



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *818* /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐẾN Số: **14885**
Ngày: 22-04-2019

CÔNG VĂN - CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc bản và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Chánh Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2019.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính gồm:

1. Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được công bố tại Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

2. Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được công bố tại Quyết định số 1723/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

3. Thẩm định việc thể hiện đường địa giới hành chính trên các loại bản đồ trước khi xuất bản được công bố tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

4. Thẩm định việc thể hiện đường biên giới quốc gia trên các loại bản đồ được công bố tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, ĐDBĐVN, VP.

ch *Hà*

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ
VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC,
BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 4 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương		
1	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BTM-264734-TT	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam
	B-BTM-264732-TT	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ				
	B-BTM-264735-TT	Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ				

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	B-BTM-264736-TT	Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ				
	B-BTM-264737-TT	Thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ				

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
1	B-BTM-265025-TT	Thẩm định việc thể hiện đường địa giới hành chính trên các loại bản đồ trước khi xuất bản	Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam
2	B-BTM-265024-TT	Thẩm định việc thể hiện đường biên giới quốc gia trên các loại bản đồ	Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

I. Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Trình tự thực hiện:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

- Bước 1: Nộp hồ sơ

+ Trường hợp 1: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nhà thầu nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (Số 2, phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội) .

+ Trường hợp 2: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là Nghị định số 27/2019/NĐ-CP) gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân cấp (sau đây gọi chung là Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng theo quy định, cơ quan tiếp

nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

+ Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định hồ sơ của các tổ chức thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nhà thầu nước ngoài;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ của tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

+ Cơ quan thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ thành lập Tổ thẩm định với thành phần không quá 03 người để thẩm định hồ sơ tại trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Tổ thẩm định có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định sự phù hợp của hồ sơ về nhân lực, phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ so với thực tế của tổ chức đề nghị cấp giấy phép; xác định năng lực của tổ chức trong việc thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép, lập biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức.

+ Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, gửi biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên thông với hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp tổ chức không đạt điều kiện cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo, nêu rõ lý do không cấp giấy phép và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị cấp giấy

phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời hạn quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

- Bước 4: Cấp giấy phép

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam phê duyệt, cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ;

+ Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông báo cho tổ chức về việc hoàn thành cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp quản lý đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

b) Về gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

b.1) Đối với tổ chức trong nước

- Trong thời hạn 60 ngày trước khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu tổ chức có nhu cầu gia hạn giấy phép đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam để làm thủ tục gia hạn. Giấy phép không được gia hạn sau ngày giấy phép hết hạn.

- Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép đã cấp, hoàn thành việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được gia hạn cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được gia hạn cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khi cấp giấy phép.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

b.2) Đối với nhà thầu nước ngoài

- Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài được gia hạn khi được chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện gói thầu;

- Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép đã cấp, hoàn thành việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được gia hạn cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được gia hạn cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khi cấp giấy phép.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ về việc hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Thời gian gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài theo thời gian được gia hạn để thực hiện gói thầu.

c) Về cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

- Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi bị mất gửi đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về giấy phép đã cấp và cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được cấp lại cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được cấp lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khi cấp giấy phép.

Số giấy phép, nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép và thời hạn của giấy phép cấp lại giữ nguyên như giấy phép đã cấp.

d) Về cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

- Tổ chức đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP qua hệ

thông dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam hoàn thành việc cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trả giấy phép được cấp đổi cho tổ chức, gửi tệp tin chứa bản chụp giấy phép được cấp đổi cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các tổ chức do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khi cấp giấy phép.

2. Cách thức thực hiện:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục/gia hạn/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau:

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tuyến.

b) Về cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau:

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Về cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

a.1.1) Hồ sơ của tổ chức trong nước đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

- Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ.

a.1.2) Hồ sơ của nhà thầu nước ngoài đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

- Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính quyết định trúng thầu (hoặc quyết định được chọn thầu) của chủ đầu tư, trong đó có nội dung về đo đạc và bản đồ thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với nhân viên kỹ thuật là người nước ngoài; hoặc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ là người Việt Nam phù hợp với số lượng và trình độ chuyên môn trong hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.

a.2) Về cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

- Đơn đề nghị hoặc tệp tin chứa đơn đề nghị cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung;

- Bản sao hoặc tệp tin chụp bản chính hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ được bổ sung;

- Bản gốc giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

a.3) Về gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

a.3.1) Hồ sơ của tổ chức trong nước đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;
- Bản gốc giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

a.3.2) Hồ sơ của nhà thầu nước ngoài đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;
- Bản gốc giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp;
- Bản sao có xác thực các văn bản của chủ đầu tư về việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu.

a.4) Về cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

a.5) Về cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

- Đơn đề nghị cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;
- Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ:

Thời gian giải quyết thủ tục cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ không quá 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

- Thời gian thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc (trường hợp Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định), 06 ngày làm việc (trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định);

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam phê duyệt, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

8. Phí, lệ phí:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ:

Mức phí cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định cụ thể tại Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: Không quy định mức phí hoặc lệ phí phải nộp.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Về cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

- Mẫu số 10: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức trong nước (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 11: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho nhà thầu nước ngoài (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 12: Bản khai quá trình công tác (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 15: Biên bản thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

b) Về cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

- Mẫu số 13: Đơn đề nghị cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

- Mẫu số 15: Biên bản thẩm định hồ sơ bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

c) Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Về cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ

a.1) Đối với tổ chức trong nước:

- Là doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Người phụ trách kỹ thuật về đo đạc và bản đồ phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ; có thời gian hoạt động thực tế ít nhất là 05 năm phù hợp với ít nhất một nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoặc có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I; không được đồng thời là người phụ trách kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của tổ chức khác;

- Có số lượng tối thiểu là 04 nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên được đào tạo về đo đạc và bản đồ;

- Có phương tiện, thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ để thực hiện một sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp giấy phép.

a.2) Đối với nhà thầu nước ngoài:

- Có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư, trong đó có hoạt động đo đạc và bản đồ;

- Có lực lượng kỹ thuật, phương tiện, thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.

b) Về gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ:

b.1) Đối với tổ chức trong nước: Trong thời hạn 60 ngày trước khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu tổ chức có nhu cầu gia hạn giấy phép đã được cấp.

b.2) Đối với nhà thầu nước ngoài:

- Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của nhà thầu nước ngoài được gia hạn khi được chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện gói thầu.

c) *Về cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ*: Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp lại khi bị mất giấy phép.

d) *Về cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ*:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp đổi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức yêu cầu do thay đổi địa chỉ trụ sở chính và các thông tin liên quan ghi trên giấy phép;
- Giấy phép bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;
- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.
- Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Mẫu số 10: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Website

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.

2.

3.

4.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề ⁽¹⁾

Đơn vị tính: Người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật
1	(Trắc địa)	05	02	0
2	(Địa chính)	...	...	...
...		...	...	...

2. Người đại diện theo pháp luật và người phụ trách kỹ thuật

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	(Nguyễn Văn A)	(Giám đốc)		
2	(Nguyễn Văn B)	(Phụ trách kỹ thuật)	(Kỹ sư trắc địa)	(05 năm)

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	(Nguyễn Văn B)	(Phụ trách kỹ thuật)	(Kỹ sư trắc địa)	(05 năm)
2	(Nguyễn Văn C)	(Nhân viên)	(Trung cấp địa chính)	(03 năm)
3				
.....				

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
.....				

Cam kết: (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

⁽²⁾ Tính theo thời gian sau khi tốt nghiệp của bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 11: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho nhà thầu nước ngoài (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

TÊN NHÀ THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường.

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên nhà thầu:
Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài.....
Số điện thoại: Fax: E-mail:
Website
Địa chỉ đăng ký tại Việt Nam.....
Số điện thoại: Fax: E-mail:
Quyết định chọn thầu/trúng thầu số:
Tên cơ quan/tổ chức ban hành quyết định:.....

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.
2.
- 3.....
- 4.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

II. PHẠM VI, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Phạm vi hoạt động: Nêu rõ phạm vi hoạt động đo đạc và bản đồ của gói thầu theo đơn vị hành chính kèm theo tọa độ trong hệ tọa độ quốc gia.
2. Thời hạn đề nghị của giấy phép: Ghi theo thời gian đăng ký thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

III. KÊ KHAI NĂNG LỰC

1. Lực lượng kỹ thuật

a) Số lượng theo hồ sơ dự thầu

STT	Chuyên ngành kỹ thuật	Theo đăng ký hồ sơ dự thầu của nhà thầu	Hiện có
1	Đo đạc		
2	Bản đồ	...	
...		...	

b) Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có

STT	Họ và tên	Bằng cấp	Thâm niên ⁽¹⁾
1	(Nguyễn Văn B)	(Kỹ sư trắc địa)	(05 năm)
2	(Nguyễn Văn C)	(Trung cấp địa chính)	(03 năm)
3			

2. Thiết bị công nghệ

STT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng đăng ký theo hồ sơ dự thầu	Số lượng thực tế hiện có	Ghi chú
1				
2				
3				
.....				

Cam kết: Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung kê khai này./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ THẦU

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 12: Bản khai quá trình công tác (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CMND/Căn cước công dân:..... ngày cấp.....Nơi cấp.....

Trình độ chuyên môn:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Đơn vị công tác:.....

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời gian	Cơ sở đào tạo	Bằng cấp được nhận	Năm tốt nghiệp
Từ đến			

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Chức vụ, đơn vị công tác	Nội dung công việc đã tham gia

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP**
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Mẫu số 13: Đơn đề nghị cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG DANH MỤC
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax:..... E-mail: Website:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số, cấp
ngày tháng năm ...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép: (các
công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm đến năm):

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
...					

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ như sau:

1.

2.

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề ⁽¹⁾

Đơn vị tính: người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật ⁽¹⁾	Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Trắc địa)	07	01	0	+ 02 đại học; - 01 Trung cấp
2	...				
3	...				

2. Người đại diện theo pháp luật và Người phụ trách kỹ thuật

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Ghi chú
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc		
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên ⁽²⁾
1	(Nguyễn Văn C)	(Nhân viên)	(Kỹ sư Trắc địa)	(05 năm)
2	(Nguyễn Văn D)	(Nhân viên)	(Trung cấp địa chính)	(03 năm)
3				

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Thay đổi so với thời điểm được cấp giấy phép (Số lượng tăng/giảm)
1	(Toàn đạc điện tử)	03		+ 02
2				
3				
...				

Cam kết: Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

⁽²⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/CẤP LẠI/CẤP ĐỔI⁽¹⁾
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Kính gửi: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập:

Người đại diện theo pháp luật:

Người phụ trách kỹ thuật:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: Fax: E-mail: Website

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp số, ngày tháng ... năm ...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp giấy phép:

- Nêu một số công trình đã thực hiện trong thời gian được cấp giấy phép.

- Thống kê thực trạng nhân lực, thiết bị, công nghệ...

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường gia hạn/cấp lại/cấp đổi⁽¹⁾ giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho(tên tổ chức).

Lý do đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi⁽¹⁾ giấy phép:

Cam kết: (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi theo từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 15: Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Ngày tháng năm tại (Trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép), đại diện Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của (tên tổ chức đề nghị cấp phép).

Thành phần của cơ quan thẩm định

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)
2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

I. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Thẩm định sự đầy đủ, tính hợp lệ, phù hợp của hồ sơ

Kết luận về sự đầy đủ, hợp lệ, phù hợp với thực tế của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức

a) Thẩm định thành phần lực lượng kỹ thuật:

(Đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức thể hiện trong các tài liệu như bảng lương, hợp đồng lao động, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nhân sự v.v... với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ, nêu cụ thể về:

- Người phụ trách kỹ thuật: Họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, hợp đồng lao động.

- Thống kê cụ thể nhân lực kỹ thuật về đo đạc và bản đồ:

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ của tổ chức, năng lực chuyên môn thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

b) Thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ:

(Đối chiếu số lượng và tình trạng của thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định năng lực thiết bị, công nghệ, nêu cụ thể về tên, loại, số lượng của thiết bị đo đạc; các phần mềm chuyên ngành:

- Thiết bị phục vụ hoạt động đo đạc và bản đồ:
- Thiết bị tin học:
- Phần mềm:

Kết luận về năng lực thiết bị, công nghệ về đo đạc và bản đồ của tổ chức.

Kết luận về sự phù hợp của bản kê khai trong hồ sơ với lực thiết bị, công nghệ hiện có của tổ chức, khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ đề nghị cấp giấy phép.

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nêu kết luận về tính hợp lệ, xác thực của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực về nhân lực, thiết bị, phần mềm, công nghệ thực tế của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.

2. Kiến nghị

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho (tên tổ chức) với các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ sau đây:

- a)
- b)

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

Biên bản này được lập thành 03 (ba) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại cơ quan thẩm định hồ sơ kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; 01 bản gửi Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam./.

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH⁽¹⁾
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM ĐỊNH⁽¹⁾
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Nếu đại diện cơ quan thẩm định ký tên nhưng không được phép đóng dấu thì phải có xác nhận và ký tên, đóng dấu của lãnh đạo cơ quan thẩm định.

II. Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I

1. Trình tự thực hiện:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I gửi hồ sơ đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Bước 3: Cấp chứng chỉ

Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam ký, cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

Trường hợp cá nhân không đạt điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ phải thông báo, nêu rõ lý do không cấp chứng chỉ cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.

b) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I

- Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu cá nhân có yêu cầu gia hạn chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn. Chứng chỉ hành nghề không được gia hạn sau ngày chứng chỉ hết hạn.

- Cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được gia hạn cho cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

c) Về cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I

- Cá nhân đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được cấp lại/cấp đổi cho cá nhân đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo 01 ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định;

- Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kiến thức chuyên môn, kiến thức pháp luật.

a.2) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cập nhật kiến thức theo Mẫu số 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP liên quan đến nội dung hành nghề trong khoảng thời gian 03 năm trước thời điểm chứng chỉ hết hạn;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định;

- Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.

a.3) Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

a.4) Về cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

- Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ giấy kèm theo tệp tin chứa hồ sơ đối với trường hợp cấp mới; 01 bộ hồ sơ đối với trường hợp gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) *Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:* Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề.

b) *Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:* Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân trong nước.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hoạt động đo đạc và bản đồ hạng I.

8. Phí, lệ phí: Chưa quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

- Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 18: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

b) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

- Mẫu số 17: Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 20: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp/Cập nhật kiến thức chuyên môn (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

c) Về cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Đối với cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I được cấp cho cá nhân trong nước có trình độ từ đại học trở lên, có thời gian ít nhất là 05 năm liên tục tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

- Đã qua sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Đối với gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu cá nhân có yêu cầu gia hạn chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn. Chứng chỉ hành nghề không được gia hạn sau ngày chứng chỉ hết hạn.

c) Đối với cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp lại trong trường hợp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bị mất.

d) Đối với cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng I:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp đổi trong các trường hợp chứng chỉ hành nghề bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được hoặc khi cá nhân có yêu cầu thay đổi thông tin trong chứng chỉ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/CẤP ĐỔI/GIA HẠN ⁽¹⁾
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ)

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số căn cước công dân/CMND ngày cấp:.....nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác (nếu có).....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo):
9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
10. Thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ hành nghề đã được cấp đến ngày (nếu có):.....

Đề nghị được cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ như sau:

- | | | |
|--|--------------------------|-------------|
| a) Cấp chứng chỉ hành nghề | ☐ | (2) |
| Nội dung hành nghề: ⁽¹⁾ | | Hạng: |
| b) Cấp lại chứng chỉ hành nghề | ☐ | (2) |
| Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: | | (2) |
| c) Cấp đổi chứng chỉ hành nghề | ☐ | (2) |
| Lý do đề nghị cấp đổi chứng chỉ: | | (2) |
| d) Gia hạn chứng chỉ hành nghề | ☐ | (2) |
| Lý do đề nghị gia hạn chứng chỉ: | | (2) |

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề đo đạc và bản đồ theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

⁽²⁾ Lựa chọn và chỉ đánh dấu vào một ô phù hợp với đơn đề nghị.

Mẫu số 18: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

1. Họ và tên:.....
2. Trình độ chuyên môn:
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp ⁽³⁾(bao nhiêu năm, tháng):
4. Đơn vị công tác (nếu có):
5. Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp:
ngày cấp.....Cơ quan cấp:.....⁽¹⁾
6. Quá trình hoạt động chuyên môn về đo đạc và bản đồ:

Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hành nghề đo đạc và bản đồ (Ghi rõ lĩnh vực, chức danh hành nghề đo đạc và bản đồ)	Ghi chú

7. Tự xếp hạng chứng chỉ hành nghề:⁽²⁾
Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP (nếu có)
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi, gia hạn chứng chỉ hành nghề.
⁽²⁾ Đối với trường hợp cấp mới chứng chỉ hành nghề.
⁽³⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 20: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp/Cập nhật kiến thức chuyên môn
(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP/CẬP NHẬT KIẾN THỨC
CHUYÊN MÔN**

1. Họ và tên:.....
2. Trình độ chuyên môn:
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp ⁽³⁾(bao nhiêu năm, tháng):
.....
4. Đơn vị công tác (nếu có):
5. Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp:
ngày cấp.....Cơ quan cấp:.....⁽¹⁾
6. Quá trình hoạt động chuyên môn hoặc cập nhật kiến thức về đo đạc và bản đồ:

Thời gian hành nghề/cập nhật nhật kiến đo đạc và bản đồ (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hành nghề/cập nhật nhật kiến đo đạc và bản đồ (Ghi rõ lĩnh vực, chức danh hành nghề đo đạc và bản đồ)	Ghi chú

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP (nếu có)
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

1. Trình tự thực hiện:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

- Bước 3: Cấp chứng chỉ

Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký, cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ.

Trường hợp cá nhân không đạt điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ phải thông báo, nêu rõ lý do không cấp chứng chỉ cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ.

b) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

- Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu cá nhân có yêu cầu gia hạn chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn. Chứng chỉ hành nghề không được gia hạn sau ngày chứng chỉ hết hạn.

- Cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được gia hạn cho cá nhân đề nghị gia hạn chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

c) Về cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II

- Cá nhân đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ gửi hồ sơ theo quy định đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, trả chứng chỉ được cấp lại/cấp đổi cho cá nhân đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tuyến.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

a.1) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo 01 ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp; giấy chứng nhận đủ sức khỏe hành nghề do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định;

- Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp theo Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản sao giấy tờ chứng minh là người được miễn sát hạch kiến thức chuyên môn, kiến thức pháp luật.

a.2) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

- Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

- Bản khai tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc chứng nhận liên quan đến việc cập nhật kiến thức theo Mẫu số 20 Phụ lục I ban hành kèm theo

Nghị định số 27/2019/NĐ-CP liên quan đến nội dung hành nghề trong khoảng thời gian 03 năm trước thời điểm chứng chỉ hết hạn;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện theo quy định;

- Bản gốc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.

a.3) Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

a.4) Về cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kèm theo ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng;

- Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ giấy kèm theo tệp tin chứa hồ sơ đối với trường hợp cấp mới; 01 bộ hồ sơ đối với trường hợp gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ.

4. Thời hạn giải quyết:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân trong nước.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hoạt động đo đạc và bản đồ hạng II.

8. Phí, lệ phí: Chưa quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

- Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 18: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

b) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

- Mẫu số 17: Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP);

- Mẫu số 20: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp/Cập nhật kiến thức chuyên môn (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

c) Về cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II được cấp cho cá nhân có trình độ từ đại học trở lên, có thời gian ít nhất là 02 năm liên tục tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ; cá nhân có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng, có ít nhất là 03 năm liên tục tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

- Đã qua sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Về gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hết hạn, nếu cá nhân có yêu cầu gia hạn chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì gửi hồ sơ đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề đến cơ quan đã cấp chứng chỉ hành nghề để làm thủ tục gia hạn. Chứng chỉ hành nghề không được gia hạn sau ngày chứng chỉ hết hạn.

c) Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp lại trong trường hợp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ bị mất.

d) Về cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II:

Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ được cấp đổi trong các trường hợp chứng chỉ hành nghề bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được hoặc khi cá nhân có yêu cầu thay đổi thông tin trong chứng chỉ.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;
- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

Mẫu số 17: Đơn đề nghị cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/CẤP ĐỔI/GIA HẠN ⁽¹⁾
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ)

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số căn cước công dân/CMND ngày cấp:.....nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác (nếu có).....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo):
9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
10. Thời hạn có hiệu lực của chứng chỉ hành nghề đã được cấp đến ngày (nếu có):.....

Đề nghị được cấp/cấp lại/cấp đổi/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ như sau:

- | | | |
|--|---|-------------|
| a) Cấp chứng chỉ hành nghề | ☐ ⁽²⁾ | |
| Nội dung hành nghề: ⁽¹⁾ | | Hạng: |
| b) Cấp lại chứng chỉ hành nghề | ☐ ⁽²⁾ | |
| Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: | | (2) |
| c) Cấp đổi chứng chỉ hành nghề | ☐ ⁽²⁾ | |
| Lý do đề nghị cấp đổi chứng chỉ: | | (2) |
| d) Gia hạn chứng chỉ hành nghề | ☐ ⁽²⁾ | |
| Lý do đề nghị gia hạn chứng chỉ: | | (2) |

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề đo đạc và bản đồ theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

⁽²⁾ Lựa chọn và chỉ đánh dấu vào một ô phù hợp với đơn đề nghị.

Mẫu số 18: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp (Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP

1. Họ và tên:.....
2. Trình độ chuyên môn:
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp ⁽³⁾(bao nhiêu năm, tháng):
4. Đơn vị công tác (nếu có):
5. Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp:
ngày cấp.....Cơ quan cấp:.....⁽¹⁾
6. Quá trình hoạt động chuyên môn về đo đạc và bản đồ:

Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hành nghề đo đạc và bản đồ (Ghi rõ lĩnh vực, chức danh hành nghề đo đạc và bản đồ)	Ghi chú

7. Tự xếp hạng chứng chỉ hành nghề:⁽²⁾

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP (nếu có)
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Đối với trường hợp cấp lại, cấp đổi, gia hạn chứng chỉ hành nghề.
- ⁽²⁾ Đối với trường hợp cấp mới chứng chỉ hành nghề.
- ⁽³⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.

Mẫu số 20: Bản khai kinh nghiệm nghề nghiệp/Cập nhật kiến thức chuyên môn
(Ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP/CẬP NHẬT KIẾN THỨC
CHUYÊN MÔN**

1. Họ và tên:.....
2. Trình độ chuyên môn:
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp ⁽³⁾(bao nhiêu năm, tháng):
.....
4. Đơn vị công tác (nếu có):
5. Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp:
ngày cấp.....Cơ quan cấp:.....⁽¹⁾
6. Quá trình hoạt động chuyên môn hoặc cập nhật kiến thức về đo đạc và bản đồ:

Thời gian hành nghề/cập nhật nhật kiến đo đạc và bản đồ (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hành nghề/cập nhật nhật kiến đo đạc và bản đồ (Ghi rõ lĩnh vực, chức danh hành nghề đo đạc và bản đồ)	Ghi chú

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ
TRỰC TIẾP (nếu có)
(Chức vụ, ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Tính theo thời gian làm việc sau khi có bằng cấp chuyên môn đầu tiên.